

Số: 474/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 11 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn
05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên; phương án sử dụng
nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ HAI MƯỜI MỐT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 160/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2021 về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai
đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên; số 193/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2022
về dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn
2021-2025 và phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2021;
số 217/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch
đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 và bổ sung kế hoạch đầu tư
công năm 2022 tỉnh Hưng Yên; số 307/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 về
điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025
tỉnh Hưng Yên; số 367/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 về giao bổ sung
kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên và
số 434/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc điều chỉnh, bổ sung kế
hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên;*

*Thực hiện Kết luận số 792-KL/TU ngày 01 tháng 07 năm 2024 tại Hội nghị
lần thứ 32 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 về điều
chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025; phương án
sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh;*

*Xét Báo cáo số 101/BC-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm
giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên; phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân
sách cấp tỉnh năm 2023; Báo cáo thẩm tra số 489/BC-KTNS ngày 09 tháng 7
năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả
biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hưng Yên; phương án sử dụng nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2023 với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung tổng nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025

a) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao tại Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh là **54.639.495** triệu đồng.

b) Bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cấp tỉnh quản lý, số tiền là **13.551.255 triệu đồng** (gồm 3.020.081 triệu đồng bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách cấp tỉnh năm 2023 dành cho đầu tư công; 10.504.902 triệu đồng bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh; 26.272 triệu đồng bổ sung từ nguồn thu tiền xổ số kiến thiết).

c) Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung là **68.190.750** triệu đồng; trong đó số vốn chưa dự kiến phân bổ cho các danh mục dự án là 13.650.701 triệu đồng (đã bao gồm số vốn còn dư là 99.446 triệu đồng do dừng triển khai thực hiện 02 dự án đầu tư xây dựng đường gom dọc phía nam quốc lộ 5A, đoạn từ Km18+280-Km20+18; Km29+680-Km31+880; dự án cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban đảng tỉnh).

(Chi tiết tại Phụ lục số I kèm theo)

2. Phương án dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với số vốn bổ sung 13.650.701 triệu đồng như sau:

a) Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 số tiền là 3.020.081 triệu đồng

- Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giao thông: 2.107.082 triệu đồng;
- Lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, thủy lợi: 646.000 triệu đồng;
- Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình: 180.000 triệu đồng;
- Lĩnh vực khoa học, công nghệ; phát thanh truyền hình: 29.999 triệu đồng;
- Lĩnh vực văn hóa, xã hội: 57.000 triệu đồng.

b) Nguồn thu tiền sử dụng đất 10.604.348 triệu đồng (bao gồm số vốn còn dư do dừng triển khai các dự án 99.446 triệu đồng)

- Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giao thông: 6.519.653 triệu đồng;
- Lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn, thủy lợi: 2.775.000 triệu đồng; trong đó, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 2.000 tỷ đồng;
- Lĩnh vực văn hóa, xã hội: 230.000 triệu đồng;
- Hoạt động các cơ quan; tổ chức chính trị, xã hội: 119.197 triệu đồng;
- Lĩnh vực quốc phòng, an ninh: 210.196 triệu đồng;
- Dự án thuộc Khu đại học Phố Hiến: 187.573 triệu đồng;

- Hỗ trợ trụ sở làm việc Công an cấp xã: 205.000 triệu đồng (theo danh mục được phê duyệt tại Nghị quyết số 352/NQ-HĐND ngày 22 tháng 3 năm 2023 và số 382/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Danh mục các dự án để hỗ trợ xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn theo Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên). Các trụ sở làm việc Công an cấp xã chỉ được phân bổ vốn khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và yêu cầu tại Chỉ thị số 51-CT/TU ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025.

- Bổ sung vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: 222.000 triệu đồng;

- Bố trí vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội Chi nhánh tỉnh Hưng Yên: 50.323 triệu đồng;

- Dự phòng: 85.406 triệu đồng.

c) Nguồn thu tiền xổ số kiến thiết: đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp là 26.272 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số II kèm theo)

3. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các dự án, nhiệm vụ đủ điều kiện với tổng số vốn là 1.890.727 triệu đồng, bao gồm:

- Giao kế hoạch vốn cho các dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư, số vốn là 1.618.404 triệu đồng;

- Bổ sung vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách là 222.000 triệu đồng;

- Bố trí vốn cho Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh tỉnh Hưng Yên là 50.323 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số III kèm theo)

4. Các nội dung khác: không thay đổi so với kế hoạch đầu tư trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết: số 160/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; số 217/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022; số 307/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; số 367/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2023 và số 434/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Trong đó, tập trung chỉ đạo các sở, ngành liên quan và chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện thủ tục trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình, dự án làm căn cứ để giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2021-2025.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVII, Kỳ họp thứ Hai mươi một nhất trí thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Công TTĐT đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^M.

CHỦ TỌA KỲ HỌP

**Phó Chủ tịch Thường trực HĐND
Lê Xuân Tiến**

PHỤ LỤC SỐ I
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 05 NĂM
GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 474/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn 05 năm 2021-2025 đã giao	Nguồn vốn giao bổ sung	Kế hoạch trung hạn 05 năm 2021-2025 sau khi bổ sung	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ	54,639,495	13,551,255	68,190,750	
A	PHÂN THEO CẤP QUẢN LÝ				
I	NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ	47,963,623	13,551,255	61,514,878	
1	Cân đối NSĐP	40,304,793	13,551,255	53,856,048	
a	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	2,672,528		2,672,528	
b	Nguồn thu sử dụng đất điều tiết về cấp tỉnh quản lý	36,317,226	10,504,902	46,822,128	
-	<i>Nguồn thu sử dụng đất điều tiết về cấp tỉnh quản lý</i>	34,902,047	10,504,902	45,406,949	
-	<i>Nguồn thu tiền sử dụng đất trong Khu đại học Phố Hiến</i>	1,415,179		1,415,179	
c	Nguồn thu hồi vốn ứng trước	199,000		199,000	
d	Vốn số xổ kiến thiết	101,105	26,272	127,377	
đ	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2021	376,394		376,394	
e	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2022	638,540		638,540	
g	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2023		3,020,081	3,020,081	
2	Vốn ngân sách trung ương	7,658,830	-	7,658,830	
a	Vốn trong nước	7,468,730		7,468,730	
	<i>Trong đó:</i>				-
-	<i>Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	126,000		126,000	
-	<i>Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, dự án trọng điểm khác</i>	5,740,000		5,740,000	
-	<i>Thực hiện CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	85,030		85,030	
b	Vốn nước ngoài	190,100		190,100	
II	NGUỒN VỐN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ	3,675,872	-	3,675,872	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	675,872		675,872	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3,000,000		3,000,000	
III	NGUỒN VỐN CẤP XÃ QUẢN LÝ	3,000,000	-	3,000,000	
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	3,000,000		3,000,000	
B	PHÂN THEO NGUỒN VỐN				
I	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	#####	#####	60,531,920	
1	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí định mức	3,348,400		3,348,400	
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	42,317,226	10,504,902	52,822,128	
3	Nguồn thu hồi vốn ứng trước GPMB dự án nổi hai cao tốc	199,000		199,000	
4	Vốn số xổ kiến thiết	101,105	26,272	127,377	
5	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2021	376,394		376,394	
6	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2022	638,540		638,540	
7	Nguồn tăng thu ngân sách nhà nước năm 2023		3,020,081	3,020,081	
II	Vốn ngân sách trung ương	7,658,830	-	7,658,830	
1	Vốn trong nước	7,468,730		7,468,730	
	<i>Trong đó:</i>				-
-	<i>Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội</i>	126,000		126,000	
-	<i>Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, dự án trọng điểm khác</i>	5,740,000		5,740,000	
-	<i>Thực hiện CTMT quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>	85,030		85,030	

2	Vốn nước ngoài	190,100		190,100	
---	----------------	---------	--	---------	--

PHỤ LỤC SỐ II
DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Nguồn ngân sách cấp tỉnh quản lý)

(Kèm theo Nghị quyết số 474/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025						Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung	Trong đó:					
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và nguồn hợp pháp khác		Giảm kế hoạch vốn do dừng thực hiện dự án	Đã dự kiến cân đối tại các NQ của HĐND tỉnh	Giao bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2023	Giao bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Giao bổ sung từ nguồn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ		24,560,893	23,646,705	522,617	23,632,665	(99,446)	9,981,410	3,020,081	10,604,348	26,272	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI		19,325,631	18,515,408	504,058	18,441,485	(73,923)	9,888,673	2,107,082	6,519,653	-	
1	Dự án xây dựng tuyến đường kết nối di sản văn hóa du lịch và phát triển kinh tế dọc sông Hồng	H.VG, KC, KD, TP.HY	9,981,000	9,981,000		9,981,000		9,275,000		706,000		
2	Xây dựng đường Vành đai 3,5 (đoạn từ ĐT.378 đến QL.5)	H.VG	1,499,000	1,499,000		1,499,000		220,000	1,279,000			
3	Nâng cấp ĐT.377 đoạn từ giao QL.39 (Km31+000) đến chợ Thi (Km37+500)	H.KĐ; ÂT	81,000	81,000		81,000			81,000			
4	Xây dựng cầu Cứu An 1 (bên phải) và cầu Cứu An 2 (bên trái) trên đường bên tuyến đường bộ nối hai đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tỉnh Hưng Yên	H.KĐ	403,230	403,230		403,230			403,230			
5	Hỗ trợ Dự án Cải tạo, nâng cấp ĐT.377 đoạn từ Km17+980 đến Km23+300 (Từ cầu Khế đến ngã ba Thuần Hưng, huyện Khoái Châu	H.KC	350,000	30,000	320,000	30,000			30,000			
6	Xây dựng đường vào khu tái định cư xã Lạc Hồng phục vụ GPMB thực hiện dự án Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	H.VL	40,000	40,000		40,000			40,000			
7	Xây dựng ĐT.377 quy hoạch mới đoạn từ điểm giao với ĐT.377B đến điểm giao với ĐT.383 (khoảng Km11+200 đến Km13+800), huyện Khoái Châu	H.KC	364,965	280,907	84,058	280,907			107,702	173,205		
8	Xây dựng nút giao kết nối đường ĐT.386C với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (Km31+100)	H.ÂT	615,626	615,626		615,626				615,626		
9	Hoặc trợ đầu tư dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường huyện ĐH.71 (đoạn từ ngã tư Công luận, xã Đồng Thanh đến ngã ba Công Trung, xã Phú Thịnh)	H.KĐ	90,000	63,000		63,000				63,000		
10	Xây dựng đường Kênh Đông-Nhánh Đông, huyện Khoái Châu đoạn từ ĐH.57 đến Đt.384	H.KC	200,000	100,000	100,000	100,000				100,000		
11	Cải tạo, nâng cấp ĐT.382 đoạn Km19+750-Km26+550 (từ giao với ĐT.382B đến giao với ĐT.378).	H.YM; KC	622,000	622,000		622,000				622,000		
12	Đầu tư xây dựng đường gom dọc QL.39 đoạn từ giao với QL5 đến nút giao Cầu vượt QL.39 (Km9+926 lý trình QL39)	TX.MH, H.YM	2,496,000	2,496,000		2,496,000				2,496,000		
13	Xây dựng đường quy hoạch phía Đông trục chữ Y đoạn từ trục quy hoạch Bắc - Nam đến đường Lê Quang Hòa (giai đoạn 1)	TX.MH	236,932	165,852		165,852				165,852		

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025						Ghi chú	
			Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung	Trong đó:						
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và nguồn hợp pháp khác		Giảm kế hoạch vốn do dừng thực hiện dự án	Đã dự kiến cân đối tại các NQ của HĐND tỉnh	Giao bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2023	Giao bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Giao bổ sung từ nguồn XSKT		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
14	Xây dựng đường quy hoạch phía Tây trục chữ Y đoạn từ ĐH.33 đến trục quy hoạch Bắc - Nam (giai đoạn 1)	TX.MH	278,619	195,033		195,033					195,033		
15	Đầu tư xây dựng ĐT.382C đoạn từ giao với ĐT.387 đến đường trục trung tâm Khu đô thị phía Nam QL5	TX.MH	531,436	531,436		531,436					531,436		
16	Xây dựng đường QH.02 (đoạn từ ĐT.376 đến QL.38 cũ, huyện Ân Thi)	H.ÁT	415,000	290,500		290,500					290,500		
17	Dự án xây dựng các cầu vượt và bảo đảm an toàn giao thông trên tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình	H.KC, KĐ, TL, TP.HY	536,000	536,000		536,000					536,000		
18	Nâng cấp, mở rộng ĐT.387 đoạn từ nút giao QL.5 đến QL.38 (Km8+417-Km15+700)	TX.MH	397,900	397,900		397,900		231,750	166,150				
19	Cải tạo, nâng cấp đường ĐT.380 đoạn Km0+000-Km2+800	H.VL	113,000	113,000		113,000		88,000			25,000		
20	Dự án đầu tư xây dựng đường gom dọc phía nam quốc lộ 5A, đoạn từ Km18+280 - Km20+180; Km29+680 - Km31+880		73,923	73,923		-	(73,923)	73,923					
II	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP & PTNT, THỦY LỢI		3,421,395	3,421,000	395	3,421,000			-	646,000	2,775,000		-
1	Xây dựng công Nghi Xuyên tiêu thoát nước sông Cửu An ra sông Hồng	H.KC	250,000	250,000		250,000				250,000			
2	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Quang Trung 2 tiêu thoát nước cho vùng các khu công nghiệp huyện Kim Động, Ân Thi, Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên	H.ÁT	100,000	100,000		100,000				100,000			
3	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Trà Phương 3 tiêu thoát nước cho vùng các khu công nghiệp huyện Kim Động, Ân Thi, Yên Mỹ tỉnh Hưng Yên	H.ÁT	200,000	200,000		200,000				200,000			
4	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân - Hội nông dân tỉnh Hưng Yên	TP.HY	5,000	5,000		5,000					5,000		
5	Đề án phát triển kinh tế vùng bãi	H.VG; KĐ; PC	24,395	24,000	395	24,000				24,000			
6	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu thoát nước vùng công nghiệp Kim Động, Ân Thi, Yên Mỹ	H.KĐ, ÁT, YM	700,000	700,000		700,000					700,000		
7	Dự án cải tạo, nâng cấp trạm bơm Văn Phú A thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	TX. MH	70,000	70,000		70,000					70,000		
8	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu 72.000 triệu đồng)		2,072,000	2,072,000		2,072,000			72,000		2,000,000		
III	LĨNH VỰC Y TẾ		180,000	180,000	-	180,000		-	180,000		-		-
1	Khu khám, điều trị chất lượng cao và một số hạng mục phụ trợ - Bệnh viện đa khoa Phố Nối	TX.MH	150,000	150,000		150,000				150,000			

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến			Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025						Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung	Trong đó:					
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và nguồn hợp pháp khác		Giảm kế hoạch vốn do dừng thực hiện dự án	Đã dự kiến cân đối tại các NQ của HĐND tỉnh	Giao bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2023	Giao bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Giao bổ sung từ nguồn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Cải tạo, sửa chữa khu A, B, H, G của Khôi nhà bất giác và một số công trình phụ trợ - Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Hưng Yên	TP.HY	15,000	15,000		15,000			15,000			
3	Xây dựng nhà cau, Bao dưỡng sửa chữa trụ sở làm việc và phòng khám Ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hưng Yên	TP.HY	15,000	15,000		15,000			15,000			
IV	LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO		44,436	26,272	18,164	26,272	-	-	-	-	26,272	
1	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS xã Lạc Đạo	H.VL	14,950	9,272	5,678	9,272					9,272	
2	Đầu tư xây dựng công trình nhà lớp học 3 tầng 12 phòng và một số hạng mục phụ trợ trường Mầm non thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi	H.ÁT	14,496	10,000	4,496	10,000					10,000	
3	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Trung Hòa	H.YM	14,990	7,000	7,990	7,000					7,000	
V	LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI		287,000	287,000	-	287,000	-	-	57,000	230,000	-	-
1	Đầu tư Tu bổ, tôn tạo một số di tích trên địa bàn tỉnh		100,000	100,000		100,000				100,000		
2	Cải tạo, nâng cấp CSVC và mua sắm trang thiết bị - Trung tâm bảo trợ xã hội và công tác xã hội tỉnh Hưng Yên		57,000	57,000		57,000			57,000			
3	Cải tạo, sửa chữa và mở rộng Cơ sở Điều trị nghiện ma túy		130,000	130,000		130,000				130,000		
VI	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ; PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH		97,213	97,213	-	97,213		67,214	29,999	-	-	
1	Trưởng quay đa năng và các hạng mục phụ trợ Đài phát thanh và Truyền hình Hưng Yên	TP.HY	97,213	97,213		97,213		67,214	29,999			
VII	HOẠT ĐỘNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI		144,720	144,720	-	119,197	(25,523)	25,523	-	119,197	-	
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban đảng tỉnh		25,523	25,523		-	(25,523)	25,523				Dự án dừng triển khai
2	Nhà thiếu nhi tỉnh Hưng Yên	TPHY	119,197	119,197		119,197				119,197		Đầu tư từ nguồn bán đấu giá nhà thiếu nhi tỉnh
VIII	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG, AN NINH		210,196	210,196	-	210,196	-	-	-	210,196	-	
1	Dự án Căn cứ hậu phương (giai đoạn 1)		97,196	97,196		97,196				97,196		
2	Dự án Trung tâm huấn luyện dự bị động viên - Trung đoàn KTT 126 (GD 2)		83,000	83,000		83,000				83,000		
3	Xây dựng cầu và đường vào Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên tại xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ		30,000	30,000		30,000				30,000		
IX	DỰ ÁN THUỘC KHU ĐẠİ HỌC PHỔ HIỆN		187,573	187,573	-	187,573	-	-	-	187,573	-	
1	Đường vào khu hành chính tập trung tỉnh Hưng Yên		187,573	187,573		187,573				187,573		
X	HỖ TRỢ TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN XÃ, THỊ TRẤN		305,000	305,000	-	305,000	-	-	-	205,000	-	

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư dự kiến		Dự kiến điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn 2021-2025						Ghi chú		
			Tổng số	Trong đó:		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung	Trong đó:						
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và nguồn hợp pháp khác		Giảm kế hoạch vốn do dừng thực hiện dự án	Đã dự kiến cân đối tại các NQ của HĐND tỉnh	Giao bổ sung từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2023	Giao bổ sung từ nguồn thu tiền sử dụng đất		Giao bổ sung từ nguồn XSKT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
XI	BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH		222,000	222,000	-	222,000			-	-	222,000	-	
1	Quỹ bảo vệ môi trường		10,000	10,000		10,000					10,000		
2	Quỹ phòng chống tội phạm tỉnh Hưng Yên		2,000	2,000		2,000					2,000		
3	Quỹ phát triển đất		200,000	200,000		200,000					200,000		
4	Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh		5,000	5,000		5,000					5,000		
5	Quỹ hỗ trợ hợp tác xã		5,000	5,000		5,000					5,000		
XII	BỔ TRÍ VỐN CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - CHI NHÁNH TỈNH HƯNG YÊN		50,323	50,323	-	50,323			-	-	50,323		
1	Cấp vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh tỉnh Hưng Yên		50,000	50,000		50,000					50,000		
2	Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi cho Ngân hàng chính sách xã hội-Chi nhánh tỉnh Hưng Yên		323	323		323					323		
XIII	DỰ PHÒNG		85,406			85,406					85,406		

PHỤ LỤC SỐ III
GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 474/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			KH vốn trung hạn 2021-2025 đã giao tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh	Giao bổ sung Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh GD 2021-2025	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh gd 2021 - 2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số QĐ ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó NS tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ			3,589,168	2,578,226	603,754	1,890,727	2,494,481	
A	ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN			3,081,845	2,070,903	368,754	1,618,404	1,987,158	
I	LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI			2,506,941	1,495,999	231,750	1,264,249	1,495,999	
	Dự án nhóm B								
1	Xây dựng đường QH.05 (đoạn từ điểm giao với đường Tân Phúc - Vòng Phan đến ĐT.376 cũ)	UBND huyện Ân Thi	422/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	204,141	142,899		142,899	142,899	
2	Xây dựng đường quy hoạch 69m từ đường Phạm Ngũ Lão (ĐT.387) qua khu công nghiệp Minh Đức đến cầu Sắt (QL38), thị xã Mỹ Hào (giai đoạn 1)	UBND thị xã Mỹ Hào	419/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	450,000	250,000		250,000	250,000	
3	Xây dựng đường QH.02 (đoạn từ giao đường QH.04 đến đường QH.60 kéo dài và đoạn kết nối ra ĐT.376 cũ, huyện Ân Thi	UBND huyện Ân Thi	418/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	96,000	67,200		67,200	67,200	
4	Xây dựng đường và kè trung thủy nông nhân hòa, kênh trạm bơm Phú Hữu từ tổ dân phố Lỗ Xá (phường Nhân Hòa) đến trục quy hoạch Bắc Nam (xã Cẩm Xá) thị xã Mỹ Hào	UBND thị xã Mỹ Hào	421/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	250,000	100,000		100,000	100,000	
5	Xây dựng đường trục quy hoạch Bắc Nam từ huyện Văn Lâm đến đường Phạm Ngũ Lão, thị xã Mỹ Hào (giai đoạn 1)	UBND thị xã Mỹ Hào	420/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	698,900	400,000		400,000	400,000	
6	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường nối từ ĐH.42 qua cụm công nghiệp Ngọc Long sang đường ĐT.382	UBND huyện Yên Mỹ	26/NQ-HĐND ngày 20/12/2023	250,000	90,000		90,000	90,000	
7	Hỗ trợ Dự án đường nối từ ĐH.18 (đoạn từ UBND xã Tân Quang) đến ĐH.10, huyện Văn Lâm	UBND xã Tân Quang	112/NQ-HĐND ngày 30/12/2023	120,000	30,000		30,000	30,000	
8	Nâng cấp, mở rộng ĐT.387 đoạn từ nút giao QL.5 đến QL.38 (Km8+417-Km15+700)	BQLDA đầu tư công trình GT-XD	405/NQ-HĐND ngày 15/11/2023	397,900	397,900	231,750	166,150	397,900	
	Dự án nhóm c								
9	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Hàm Tử, đoạn từ đường ĐT.377 đến đường ĐH.54	UBND xã Hàm Tử	423/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	40,000	18,000		18,000	18,000	
II	LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ; PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH			195,784	195,784	67,214	128,570	195,784	
	Dự án nhóm B								
1	Trưởng quay đa năng và các hạng mục phụ trợ Đài phát thanh và Truyền hình Hưng Yên	Đài PTTH tỉnh	426/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	97,213	97,213	67,214	29,999	97,213	
2	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hưng Yên	Văn phòng đăng ký đất đai - Sở TNMT	429/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	98,571	98,571		98,571	98,571	
III	DỰ ÁN THUỘC KHU ĐẠI HỌC PHỐ HIỂN			369,120	369,120	69,790	215,585	285,375	
1	Dự án Hoàn thiện đường trục trung tâm Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)	BQL Khu ĐH Phố Hiến	416/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	139,000	139,000		83,010	83,010	
2	Dự án Hoàn thiện đường trục phía Nam Khu Đại học Phố Hiến (đoạn từ đường HY3 đến đường bộ nối hai đường cao tốc)		417/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	125,000	125,000		97,245	97,245	

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định chủ trương đầu tư			KH vốn trung hạn 2021-2025 đã giao tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh	Giao bổ sung Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh GĐ 2021-2025	Kế hoạch vốn ngân sách tỉnh gđ 2021 - 2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
			Số QĐ ngày tháng năm	Tổng số	Trong đó NS tỉnh				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	Dự án Khu dân cư mới Nu-3 Khu Đại học Phố Hiến		425/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	105,120	105,120	69,790	35,330	105,120	
IV	HỖ TRỢ KHÁC			10,000	10,000	-	10,000	10,000	-
1	Hỗ trợ cải tạo, sửa chữa trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	141/QĐ-VKSTC ngày 13/12/2023 của Viện KSND tối cao	10,000	10,000		10,000	10,000	
B	BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ CHO CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH			457,000	457,000	235,000	222,000	457,000	-
1	Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh			15,000	15,000	5,000	10,000	15,000	
2	Quỹ phòng chống tội phạm tỉnh Hưng Yên			2,000	2,000		2,000	2,000	
3	Quỹ phát triển đất			400,000	400,000	200,000	200,000	400,000	
4	Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh			20,000	20,000	15,000	5,000	20,000	
5	Quỹ hỗ trợ hợp tác xã			20,000	20,000	15,000	5,000	20,000	
C	BỔ TRÍ VỐN CHO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI - CHI NHÁNH TỈNH HƯNG YÊN			50,323	50,323	-	50,323	50,323	
1	Cấp vốn uy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh Hưng Yên			50,000	50,000		50,000	50,000	
2	Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi cho Ngân hàng chính sách xã hội, chi nhánh tỉnh Hưng Yên			323	323		323	323	